

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Thế T, sinh năm 1950;

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: 87C chung cư Lô B, C Phạm Văn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 07 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** bà Nguyễn Thị Huỳnh M và ông Trần Thế T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ vợ chồng:* ông Trần Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyển sổ 01 ngày 19/11/1978 do UBND xã Long T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* ông Trần Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M có 03 con chung Trần Thế Quốc T, sinh ngày 15/7/1980, Trần Thế Trọng T, sinh ngày 10/02/1983 và Trần Thế Trọng T, sinh ngày 19/5/1984. Các con đã lớn và lập gia đình riêng do đó không yêu cầu tòa giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông Trần<sup>2</sup>Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: ông Trần Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M xác nhận không có.

- *Về án phí*: Xét ông T và bà M thuộc đối tượng được miễn án phí và đã giải thích cho ông và bà tuy nhiên ông T và bà M cho rằng số tiền ít, nên không làm đơn xin miễn án phí ly hôn. Do đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, Ông Trần Thế T và bà Nguyễn Thị Huỳnh M phải nộp, ông Toàn xin tự nguyện được nộp toàn bộ 150.000 đồng, và được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0020759 ngày 04 tháng 05 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Trả lại cho ông T 150.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Mỹ**